TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 92/2018/DS-ST
Ngày: 26-7-2018
"V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hằng

2. Ông Trần Minh Tuốc

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018, và quyết định hoãn phiên tòa số 17/ QĐST-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Ngọc Đ, sinh năm: 1989. (Có mặt)

ĐKHK: Ấp 11, xã VV, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú: Khu vực 4, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Quốc V. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long Bình 1, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Phạm Ngọc Đ trình bày:

Ngày 02/7/2017 (âm lịch) chị Đ cho anh Nguyễn Quốc V vay số tiền

60.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 5%/tháng. Khi có làm biên nhận nợ, để đảm bảo khả năng trả nợ thì anh V có thế chấp cho chị Đ 01 giấy đăng ký xe tải tên Nguyễn Quốc V, biển số 95C. 014.82.

Ngày 10/8/2017 (âm lịch) anh V hỏi vay thêm 10.000.000 đồng. Tổng số tiền trước sau anh V vay của chị Đ là 70.000.000 đồng. Khi vay thì anh V hứa vay vài tháng sau trả lại. Từ khi vay đến nay anh V chưa trả vốn và đóng lãi cho chị Đ. Chị Đ cho đến nhà yêu cầu anh V trả nợ nhiều lần nhưng anh V hứa hẹn mà không thực hiện kéo dài đến nay. Nay chị Đ khởi kiện yêu cầu anh V trả lại tiền vay 70.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Quốc V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên tòa án không thể ghi lời khai của anh V được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung: Ngày Chị Phạm Ngọc Đ có cho anh Nguyễn Quốc V vay 2 lần tổng cồn là 70.00.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, hết thời hạn trả nợ nhưng anh V hứa hẹn mà không thực hiện dẫn đến phát sinh tranh chấp.

3.1 Căn cứ vào biên nhận nợ gốc ngày 02/7/2017 (âm lịch) và ngày 10/8/2017 (âm lịch) có chữ ký của anh Nguyễn Quốc V, Hội đồng xét xử xác nhận anh V có hỏi của chị Đ 70.000.000 đồng là đúng sự thật theo quy định tại Điều 92, Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V vẫn cố tình vắng mặt không lý do, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.Từ đó, Hội đồng xét xử xác định anh V đã nhận số tiền hỏi từ chị Đ là 70.000.000 đồng là đúng

sự thật, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn Phạm Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quốc V trả số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng là có cở sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2 Xét yêu cầu tính lãi suát nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc Đ yêu cầu Tòa án buộc anh V trả lãi suất theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, biên nhận nợ ngày 02.7.2017 (âl) ghi nhận " *Anh Nguyễn Quốc V có hỏi của chị Phạm Ngọc Đ số tiền 60.000.000 đồng*); ngày 10.8.2017 (âl) hai bên tiếp tục thỏa thuận " *Anh Nguyễn Quốc V có hỏi thêm 70.000.000 đồng"*. Như vậy cả hai bên nhận trên chỉ ghi nhận là anh V có hỏi tiền của chị Đ, biên nhận không thể hiện rõ đây là số tiền hỏi vay hay là tiền hỏi mượn, và nếu là tiền hỏi vay thì cũng không thể hiện rõ lãi suất hai bên thỏa thuận như thế nào?. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Ngọc Đ cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đây là khoản tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Quốc V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Ngọc Đ

[2] Buộc bị đơn Nguyễn Quốc V phải trả cho nguyên đơn Phạm Ngọc Đ số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Nguyên đơn Phạm Ngọc Đ có nghĩa vụ giao trả cho bị đơn Nguyễn Quốc V giấy đăng ký xe ô tô tải biển số 95C.014.82 mang tên Nguyễn Quốc V.

[3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Quốc V phải chịu nộp số tiền 3.500.000 đồng. Nguyên đơn Phạm Ngọc Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0015493 phiếu lập ngày 21/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Đào Thị Thủy

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;